

Số: **207** /CBTT-TA-HĐQT

TP.HCM, ngày 18 tháng 7 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
(Phòng Công bố thông tin; Vụ Quản lý Phát hành)
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
(Phòng quản lý niêm yết)

Công ty: **Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An**

Mã chứng khoán: TAW

Trụ sở chính: 873A Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3588 3474

Fax: (028) 3588 3475

Người thực hiện công bố thông tin: Hoàng Thế Bảo

Địa chỉ: 873A Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại di động: 0903632962

Điện thoại cố định (cơ quan): (028) 39851386

Fax: (028) 3588 3475

Loại công bố thông tin: ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố: Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán, Công ty cổ phần Cấp nước Trung An (Công ty) công bố thông tin về phụ lục hợp đồng giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn về sửa đổi một số nội dung của hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch (Phụ lục hợp đồng số 2265/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 16 tháng 7 năm 2019).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 18/7/2019 tại đường dẫn <http://www.capnuoctrungan.vn/tin-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN
Hoàng Thế Bảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 16 tháng 7 năm 2019

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Sửa đổi một số nội dung của Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 287/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 28/01/2019.

Số: **2265** /PLHĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 của Bộ xây dựng về công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;
- Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 3624/QĐ-UB ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ-Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ-Công ty con;
- Điều lệ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được ban hành kèm theo Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 14/04/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An được ban hành kèm Quyết định số 001/QĐ-TA-HĐQT ngày 26/01/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;
- Theo Hợp đồng ủy quyền số: 1878/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 19 tháng 06 năm 2019;
- Hợp đồng Dịch vụ phân phối nước sạch số 287/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 28/01/2019, giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;

- Bản thỏa thuận ngày ~~16~~ / ~~7~~ /2019 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An về sửa đổi một số nội dung của Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 287/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 28/01/2019;
- Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ~~16~~ tháng ~~7~~ năm 2019, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220431101100091 tại NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 25/01/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **NGUYỄN THANH SỬ** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo giấy Ủy quyền: Số 427/GUQ-TCT-HĐTV, ngày 18/03/2019 của Chủ tịch Hội đồng thành viên, là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Trụ sở chính : Số 873A đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 35.883.474 – 35.883.478 Fax: 35.883.475

Tài khoản số : 6220211 410006 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chợ Lớn Phòng giao dịch Hoà Bình-TP.HCM.

Mã số thuế : 0310350082

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An – Mã số doanh nghiệp số: 0310350082 đăng ký thay đổi lần thứ 06, ngày 27/11/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **HOÀNG THẾ BẢO** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Hai Bên thống nhất ký kết Phụ lục Hợp đồng để sửa đổi một số nội dung của Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 287/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 28/01/2019, giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An với các điều khoản sau:

Điều 1: Sửa đổi một số nội dung trong Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 287/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 28/01/2019 như sau:

- 1.1. Tại phần căn cứ, gạch đầu dòng thứ 11 có nội dung : “Theo Hợp đồng ủy quyền số : 286/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 28/01/2019” được sửa đổi thành:
“Theo Hợp đồng ủy quyền số:1878/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 19/06/2019”.
- 1.2. Tại phần Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, ngay dòng thứ 05 có nội dung, "Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 29/01/2015, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh." được sửa đổi thành:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 25/01/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.3. Tại phần Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, ngay dòng thứ 08, có nội dung, "Do Ông: Nguyễn Văn Dụ – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách chung làm đại diện (Theo công văn số 04/UBND-VX-TC ngày 04/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Nghị Quyết số 72/NQ-TCT-HĐTV ngày 05/01/2018 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên", được sửa đổi thành:
Do Ông: Nguyễn Thanh Sử – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện. Theo giấy Ủy quyền: Số 427/GUQ-TCT-HĐTV, ngày 18/03/2019 của Chủ tịch Hội đồng thành viên, là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên.
- 1.4. Tại phần, "Đại diện Bên A, ký thay Tổng giám đốc phó Tổng giám đốc Nguyễn Văn Dụ ký" được sửa đổi thành:
Đại diện Bên A, ký thay Tổng giám đốc phó Tổng giám đốc Nguyễn Thanh Sử ký.
- 1.5. Điều chỉnh Điều 2 thành:
 - 2.1. *Khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê được xác định căn cứ vào doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 (Chuẩn thu 2: Là chuẩn thu được điều chỉnh hàng tháng) từ khách hàng trong phạm vi địa bàn nêu tại khoản 1.2 điều 1.*
 - 2.2. *Doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 (Chuẩn thu 2: Là chuẩn thu được điều chỉnh hàng tháng) của khách hàng được xác định qua công tác thu tiền nước hàng tháng và/hoặc việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước được thực hiện đến trước thời điểm 31/12/2019. Số tiền nước thu được trong 01 kỳ là tổng số tiền tương ứng với lượng nước do khách hàng tiêu thụ trong phạm vi địa bàn nêu tại khoản 1.2 điều 1, được ghi nhận qua công tác ghi đọc chỉ số đồng hồ nước do Bên B thực hiện theo lịch đọc số được Bên B xây dựng. Lịch đọc số này được xem là phụ lục (Phụ lục 1) kèm theo hợp đồng này.*
 - 2.3. *Định kỳ vào ngày cuối của tháng, hai bên sẽ cùng thống nhất doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 (Chuẩn thu 2: Là chuẩn thu được điều chỉnh hàng*

tháng có giá trị trước thuế và không bao gồm phí bảo vệ môi trường) để tính toán doanh thu tiền nước thu được từ khách hàng sử dụng nước trong kỳ làm cơ sở để Bên A thực hiện việc thanh toán được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

1.6. Điều chỉnh Điều 4 thành:

Điều 4: Giá trị Hợp đồng.

4.1. Giá trị Bên A thanh toán cho Bên B hàng tháng sẽ được tính như sau:

Hệ số 0,2577 x Doanh thu tiền nước (Chuẩn thu 2)

(Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng với thuế suất 10%)

Trong đó:

-Hệ số 0,2577: Nghĩa là cứ 1.000 đồng doanh thu tiền nước do Bên B thu được, Bên A sẽ trả tiền dịch vụ cho Bên B là 257,7 đồng.

-Doanh thu tiền nước: Là doanh thu từ chuẩn thu 2 (Chuẩn thu 2: Là chuẩn thu được điều chỉnh hàng tháng có giá trị trước thuế và không bao gồm phí bảo vệ môi trường) và doanh thu tiền nước (Có giá trị trước thuế và không bao gồm phí bảo vệ môi trường) từ việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước được thực hiện đến trước thời điểm 31/12/2019.

Vào cuối năm, 02 Bên cùng xác định lại doanh thu tiền nước và/hoặc các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước Bên B thu được (Thực thu), tính đến thời điểm 31/12/2019, để tính toán lại giá trị Hợp đồng cho phù hợp. Việc tính toán sẽ được lập thành Biên bản.

4.2. Hệ số 0,2577 sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với hoạt động cấp nước năm 2019 và/hoặc khi có Quyết định điều chỉnh giá bán lẻ nước sạch trên địa bàn thành phố của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh.

1.7. Điều chỉnh Điều 5. Khoản 5.1. Gạch đầu dòng thứ 02, Đợt 2 thành: Phần còn lại sẽ thanh toán sau khi Bên B đã thu được doanh thu tiền nước đạt 80%/ chuẩn thu 02. Thời điểm thanh toán vào ngày 10 của tháng sau và thời hạn thanh toán không quá 10 ngày làm việc.

1.8. Tại Phụ lục 2 của Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 287/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 28/01/2019 được điều chỉnh thành:

Cùng tiến hành thống nhất khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê tháng.....năm.....được xác định căn cứ Tổng doanh thu tiền nước Bên B thu được từ chuẩn thu 2 (Chuẩn thu 2: Là chuẩn thu được điều chỉnh hàng tháng có giá trị trước thuế và không bao gồm phí bảo vệ môi trường) của tất cả các khách hàng trên địa bàn Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An trong kỳ.....năm.....là đồng) và/hoặc việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước được thực hiện đến trước thời điểm 31/12/2019.

- 1.9. Tại Phụ lục 3 của Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 287/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 28/01/2019 được điều chỉnh thành:

Số tiền mà Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An theo Hợp đồng dịch vụ số,tháng.....năm..... hàng tháng sẽ được tính như sau:

Hệ số 0,2577 x Doanh thu tiền nước (Chuẩn thu 2: Là chuẩn thu được điều chỉnh hàng tháng có giá trị trước thuế và không bao gồm phí bảo vệ môi trường)
=.....đồng

Thuế giá trị gia tăng(10%) =.....đồng

Số tiền thanh toán=đồng

Điều 2: Xử lý số tiền chênh lệch từ kỳ 01 đến kỳ 06 năm 2019.

+ Tổng số tiền đã thanh toán từ kỳ 01 đến kỳ 06/2019:

Năm 2019	Sản lượng (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Số tiền đã thanh toán (đồng) (chưa thuế)
	(1)	(2)	(3)=(1) X (2)
Kỳ 1	5.119.030	2.225,32	11.391.479.840
Kỳ 2	4.822.348	2.225,32	10.731.267.451
Kỳ 3	4.896.373	2.225,32	10.895.996.764
Kỳ 4	5.072.806	2.225,32	11.288.616.648
Kỳ 5	5.733.302	2.225,32	12.758.431.607
Kỳ 6	5.495.795	2.225,32	12.229.902.529
Tổng:	31.139.654		69.295.694.839

+ Tổng số tiền được điều chỉnh từ kỳ 01 đến kỳ 06/2019:

Năm 2019	Hệ số Tổng chi phí trên tổng doanh thu	Doanh thu tiền nước hàng kỳ (đồng) là chuẩn thu 02 điều chỉnh trong tháng	Số tiền được điều chỉnh thanh toán (đồng) (chưa thuế)
	(1)	(2)	(3)=(1) x (2)
Kỳ 1	0,2577	40.213.146.460	10.362.927.843
Kỳ 2	0,2577	37.496.122.730	9.662.750.828
Kỳ 3	0,2577	38.207.934.440	9.846.184.705
Kỳ 4	0,2577	39.708.487.070	10.232.877.118
Kỳ 5	0,2577	45.941.050.690	11.839.008.763
Kỳ 6	0,2577	43.684.135.380	11.257.401.687
Tổng:		245.250.876.770	63.201.150.944

- Tổng số tiền đã thanh toán từ kỳ 01 đến kỳ 06: **69.295.694.839 (1)**
- Tổng số tiền được điều chỉnh từ kỳ 01 đến kỳ 06: **63.201.150.944 (2)**
- Tổng số tiền chênh lệch từ kỳ 01 đến kỳ 06 năm 2019:
(2) – (1) = 63.201.150.944 - 69.295.694.839 = - 6.094.543.895 đồng

Bên B sẽ thanh toán hoàn tiền dịch vụ cho Bên A số tiền:

* Tiền dịch vụ: **6.094.543.895 đồng**

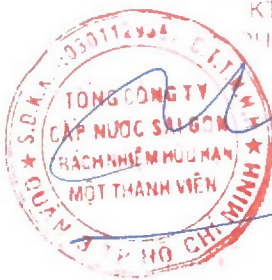
* Thuế giá trị gia tăng 10% : **609.454.390 đồng.**

* Tổng cộng: **6.703.998.285 đồng.**

Điều 3: Điều khoản chung.

Phụ lục Hợp đồng này là một phần không tách rời của của Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 287/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 28/01/2019. Những điều khoản không ghi trong Phụ lục Hợp đồng này thì vẫn thực hiện như Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 287/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 28/01/2019.

Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 8 (tám) bản, mỗi bên giữ 4 (bốn) bản có giá trị như nhau.

 **ĐẠI DIỆN BÊN A** 
 KÍ TÓNG GIÁM ĐỐC
 QUẢN TÓNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Sử

 **ĐẠI DIỆN BÊN B** 
 GIÁM ĐỐC
Hoàng Thế Bảo